CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

FireAnt

Ngày 31/03/2025	9,700 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	5.4%	9.0%	-2.0%

ROE — 2024: 2.8% | +/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần — Q1/25: 250 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 105 ▼ 29.5% | YoY: ▲ 52.0 ▲ 26.3%

DT thuần — 2024: 1,057 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 141 ▼ 11.8%

LN gộp — Q1/25: 20.6 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 9.90 ▼ 32.6% | YoY: ▲ 1.40 ▲ 7.1%

LN gộp — 2024: 99.9 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 1.50 ▲ 1.6%

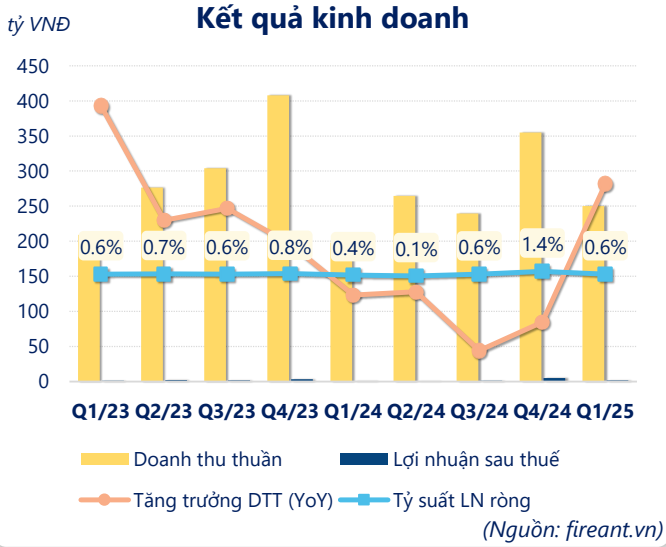
LN thuần — Q1/25: 1.29 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 5.92 ▼ 82.0% | YoY: ▲ 0.27 ▲ 26.9%

LN thuần — 2024: 9.77 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 2.53 ▼ 20.6%

LN sau thuế — Q1/25: 1.56 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 3.42 ▼ 68.7% | YoY: ▲ 0.83 ▲ 113%

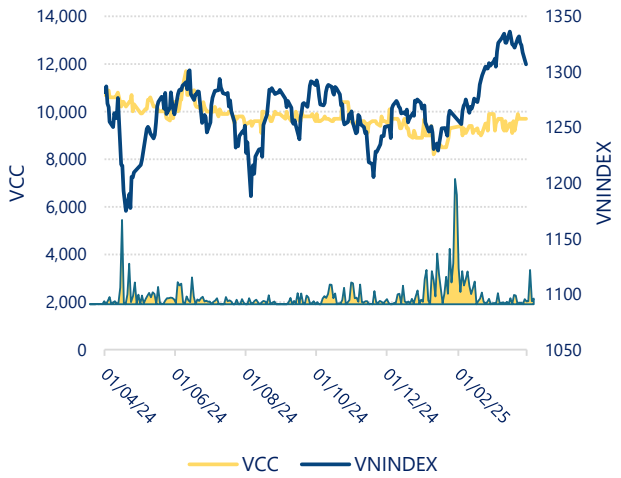
LN sau thuế — 2024: 7.47 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 0.83 ▼ 10.0%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

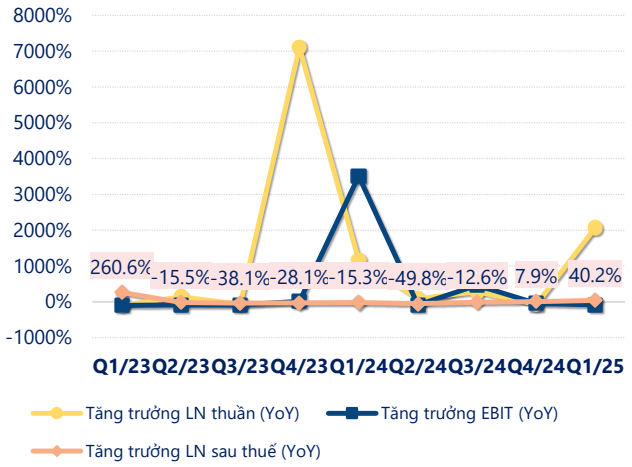
Lịch sử giá



CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

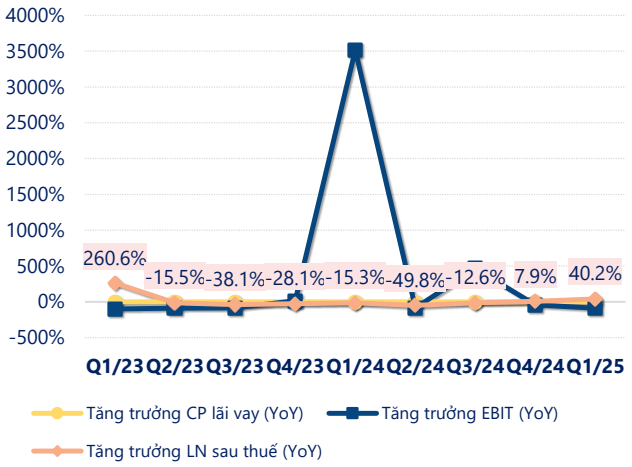
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



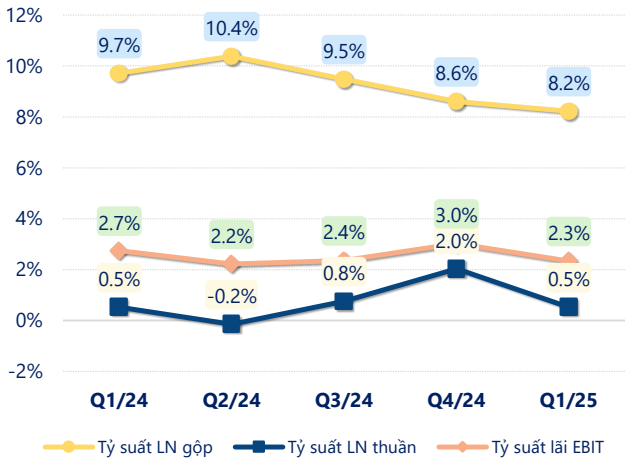
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



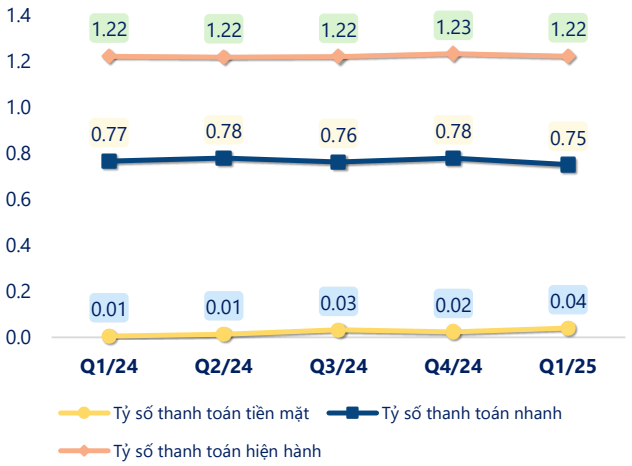
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



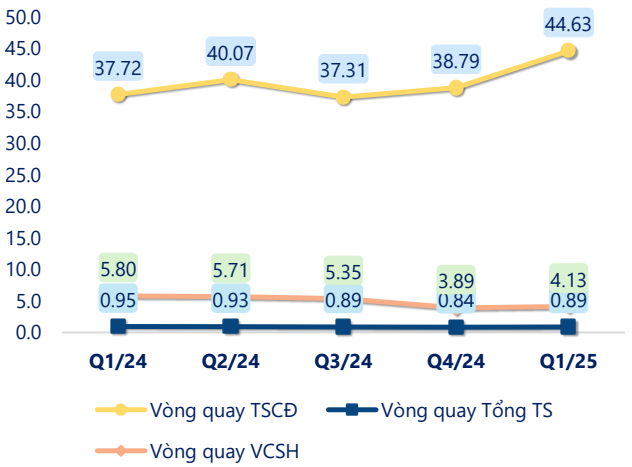
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



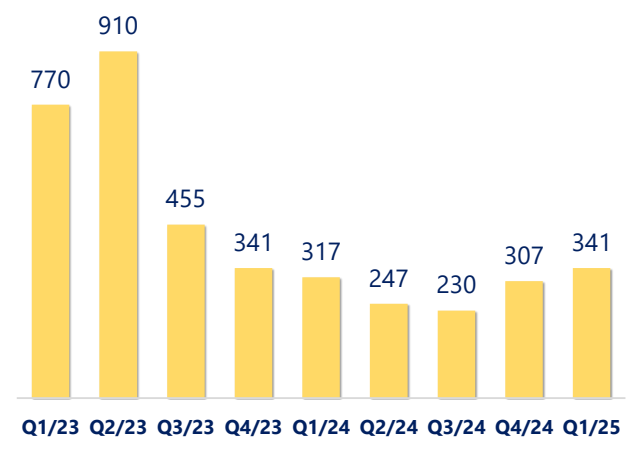
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

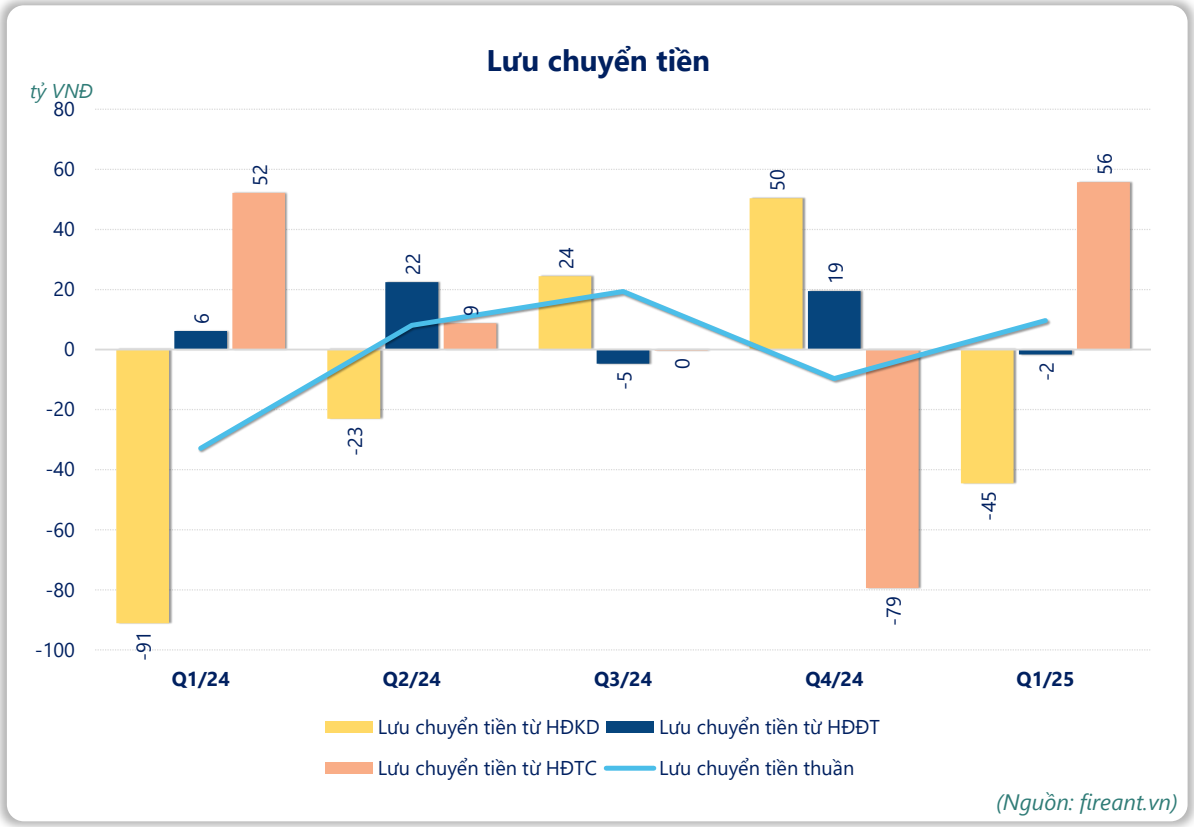


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**250**	**198**	**26.3%**	**1,057**	**1,198**	**-11.8%**
Giá vốn hàng bán	230	179	28.2%	957	1,099	-12.9%
Lợi nhuận gộp	20.6	19.2	7.1%	99.9	98.4	1.6%
Doanh thu HĐTC	0.62	0.99	-36.9%	5.90	7.08	-16.6%
Chi phí TC	3.89	4.42	-12.1%	17.2	22.0	-21.6%
Chi phí lãi vay	3.89	4.42	-12.1%	17.2	22.0	-21.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.32	8.17	14.0%	44.1	39.6	11.3%
Chi phí QLDN	**6.69**	**6.60**	**1.3%**	**34.8**	**31.6**	**10.2%**
LN thuần từ HĐKD	1.29	1.02	26.9%	9.77	12.3	-20.6%
Lợi nhuận khác	**0.65**	**-0.02**	**3357%**	**0.78**	**-0.17**	**558%**
LN trước thuế	1.95	1.00	94.6%	10.5	12.1	-13.1%
Lợi nhuận sau thuế	**1.56**	**0.73**	**113%**	**7.47**	**8.30**	**-10.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.56**	**0.73**	**113%**	**7.47**	**8.30**	**-10.0%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)